

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

Số liệu tính từ ngày 01/7/2014 đến ngày 01/7/2024

(Kèm theo Báo cáo số 457 /BC-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật tiếp công dân	Văn bản	131
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	7
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CÔNG DÂN		
1	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về tiếp công dân được tổ chức	Lớp	12.820
2	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về tiếp công dân	Lượt người	821.262
	THANH TRA, KIỂM TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CÔNG DÂN		
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tiếp công dân	Cuộc	110
2	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tiếp công dân đã ban hành kết luận	Cuộc	109
3	Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra	Đơn vị	137
4	Kiến nghị xử lý hành chính		
	+ Tập thể	Tập thể	22
	+ Cá nhân	Cá nhân	53
	NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN		
1	Số lượng công chức của Ban tiếp công dân cấp tỉnh	Người	5
2	Số lượng công chức của Ban tiếp công dân cấp huyện	Người	114
3	Số người làm công tác tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Người	109

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số liệu tính từ ngày 01/7/2014 đến ngày 01/7/2024

(Kèm theo Báo cáo số 457 /BC-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																	
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Thủ trưởng tiếp										Ủy quyền tiếp							
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người			
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần				Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần
MS	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+16+24+25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum	6.603	7.426	6.613	3.284	3.411	2.777	517	7	91	7	0	51.714	3.243	3.939	2.658	585	69	620	54	15	288	76	76	70	6	0	0	0	0
TỔNG	6.603	7.426	6.613	3.284	3.411	2.777	517	7	91	7	0	51.714	3.243	3.939	2.658	585	69	620	54	15	288	76	76	70	6	0	0	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Số liệu tính từ ngày 01/7/2014 đến ngày 01/7/2024

(Kèm theo Báo cáo số 457 /BC-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Số đơn đã xử lý	Số đơn chưa xử lý (chuyển kỳ sau xử lý)	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
											Lần đầu	Nhiều lần		Tổng số	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6=8+9+10=11+12+13+14	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18=19+20+21	19	20	21	22
Ủy ban nhân dân tỉnh	14.568	7	14.561	14.566	2	11.061	10.667	987	206	9.868	7.659	2.067	1.335	6.830	358	90	6.382	4.231	795	1.762	1.674	998
Tổng	14.568	7	14.561	14.566	2	11.061	10.667	987	206	9.868	7.659	2.067	1.335	6.830	358	90	6.382	4.231	795	1.762	1.674	998

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CÔNG DÂN

(Kèm theo Báo cáo số 457 /BC-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	ĐIỀU KHOẢN/ VẤN ĐỀ (Ghi rõ điều, khoản, điểm)	HẠN CHẾ, TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP	KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT
I	Những chủ trương, chính sách của Đảng chưa được thể chế hóa và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa có quy định để điều chỉnh		
	Không		
II	Những quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn		
	Không		
III	Những quy định còn chưa rõ ràng, còn có nhiều cách hiểu khác nha		
	Không		
IV	Những quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo		
	Không		
V	Những vướng mắc, bất cập khác		
	Không		